TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/03/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Long, ông Nguyễn Ngọc Phan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1998; CCCD số 030198005700 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/06/2024

HKTT và trú tại: Thôn Q, xã C, thành Phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm: 1993; CCCD số 030093005738 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/3/2019.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã C, thành Phố Hải Phòng

Hiện đang sinh sống và làm việc tại: Cộng Hoà Liên Bang Đức.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) ngày 16/4/2019. Thời gian đầu

mới kết hôn, anh chị chung sống rất hạnh phúc, nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, chủ yếu những mâu thuẫn liên quan đến lối sống, suy nghĩ. Năm 2022 anh H đi lao động tại Cộng hòa Liên bang Đức, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, vẫn thường xảy ra tranh cãi, bất đồng quan điểm, anh chị không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm để xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đình H1, được thay đổi hộ tịch ngày 07/5/2020 là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 20/10/2019, hiện đang ở cùng chị, chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành. Chị và anh H tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H. Ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị H2 (là bố, mẹ đẻ anh H) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông, bà đồng ý nhận văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết. Anh H có quan điểm trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị mâu thuẫn về lối sống, suy nghĩ nên hay xảy ra cãi vã. Năm 2022 anh đi lao động, làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cứ mỗi lần anh liên lạc về nhà vợ chồng lại xảy ra tranh cãi, anh chị không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Chị T có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Bản thân ông bà cũng đã cố gắng hàn gắn, khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả, chị T xin ly hôn, ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đình H1, được thay đổi hộ tịch ngày 07/5/2020 là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 20/10/2019 như chị T trình bày là đúng, hiện con đang ở với chị T. Anh nhất trí để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành. Anh chị tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, anh xác định không có nên không yêu cầu giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện và xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Đ cho chị Tâm tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi; Chị Tâm, anh Huy tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhan gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Đức H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn Q, xã C, thành phố Hải Phòng, hiện anh Huy đang lao động, sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông K là bố đẻ anh H để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh H. Ông K, bà H2 vẫn liên lạc với anh H và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh H.

[1.3] Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) ngày 16/04/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh chị thường xảy ra tranh cãi. Năm 2022 anh H đi lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, anh chị không có tiếng nói chung nên mỗi lần anh liên lạc về nhà vợ chồng lại xảy ra cãi vã, anh chị sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh H có 01 con chung là: Nguyễn Đình H1, được thay đổi hộ tịch ngày 07/5/2020 là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 20/10/2019, hiện đang ở với chị T. Chị T, anh H cùng có quan điểm thống nhất chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh, chị tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy, quan điểm của anh chị phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy cần giao con Nguyễn Minh Đ cho chị Tâm chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự thỏa thuận của chị T, anh H về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị T, anh H cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đình H1, được thay đổi hộ tịch ngày 07/5/2020 là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 20/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chị T, anh H tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000969 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;*
- *Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng;*
- *UBND xã C, TP. Hải Phòng;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện